

Cao Trinh nữ hoàng cung

Tên gọi: Crinum latifolium L. extract

Xuất hiện: bột màu nâu, nâu nhạt.

Quy cách: 25kg/thùng

Xuất xứ: Việt Nam

Thành phần: Trinh nữ hoàng cung tỷ lệ 10:1

Độ ẩm: 5%

Trinh nữ hoàng cung có tên khoa học là **Crinum latifolium L.** Cao khô **trinh nữ hoàng cung** có màu nâu, nâu nhạt, được chiết xuất theo hoạt chất chính hoặc theo tỷ lệ. Cây trinh nữ hoàng cung (Crinum latifolium L.) họ thủy tiên (Amaryllidaceae), Cây cỏ lớn. Thân hành to, gần hình cầu hoặc hình trứng thuôn, đường kính 8-10 cm, phủ bởi những vảy hình bản to, dày, màu trắng. Lá mọc thẳng từ thân hành, hình dải dài đến 50 cm, có khi hơn, rộng 7- 10cm, mép nguyên, gốc phẳng có bẹ, đầu nhọn hoặc tù, gân song song. Cụm hoa mọc thành tán trên một cán dẹt, dài 30- 40cm; lá bắc rộng hình thìa dài 7 cm, màu lục, đầu nhọn; hoa màu trắng pha hồng, dài 10- 15 cm; bao hoa gồm 6 phiến bằng nhau, hàn liền 1/3 thành ống hẹp, khi mở đầu phiến xoắn lại; nhị 6; bầu hạ. Quả hình cầu (ít gặp). Mùa hoa quả: tháng 8-9.

Thành phần chính của thảo dược trinh nữ hoàng cung là các Alcaloid, saponin, acid hữu cơ. Trinh nữ hoàng cung được nghiên cứu về thành phần hóa học chủ yếu từ năm 1980. Các Alcaloid có trong trinh nữ hoàng cung thuộc 2 nhóm: – Không dị vòng: latisolin, latisodin, beladin. – Dị vòng: ambelin, crinafolin, latisodin, crinafolidin, 11-O- acetylambelin, latindin, pratorimin... Thân rễ chứa 2 glucan: Glucan A và glucan B. Glucan A gồm 12 đơn vị glucose, còn glucan B có khoảng 110 gốc của glucose (Tomada Mashashi và cs, 1985). Ở Việt Nam, theo Nguyễn Hoàng và cs, 1997, trinh nữ hoàng cung có 11 alcaloid, 11 acid amin, acid hữu cơ. Các acid amin là phenylalanin, 1- leucin, dl- valin và 1.arginin monohydroclorid. Trần Văn Sung và cs, 1997, đã phân lập được từ thân hành trinh nữ hoàng cung 5 alcaloid trong đó 2 chất là 1.lycorin và pratorin được nhận dạng bằng phổ khối lượng và phổ cộng hưởng từ hạt nhân proton carbon 13. Võ Thị Bạch Huệ và cs, 1998, đã phân lập được từ lá 2 alcaloid là crinamidin, 6- hydroxycrinamidin được nhận dạng bằng các phân tích hóa học và quang phổ.

Dạng thành phẩm: *chiết xuất theo tỷ lệ.*

Chức năng chính của cao khô trinh nữ hoàng cung:

Hỗ trợ điều trị u xơ tử cung, u nang buồng trứng và u xơ tiền liệt tuyến

Sử dụng cao khô trinh nữ hoàng cung

Cao khô [Trình nữ hoàng cung](#) được ứng dụng rộng rãi trong các sản phẩm hiện đại. Chúng được sử dụng để sản xuất:

- Dược phẩm.
- Thực phẩm chức năng.

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ:

Nguyễn Mạnh Cường

Công ty TNHH Dược phẩm sinh học Quốc tế (IBPHARCO)

Add: Tầng 6, Licogi13, 164 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội

Hotline: 0987 785 792

-

Tel: 024 62939301

Email: cuongnm@ibpharco.com

-

Web: www.ibpharco.com

Bình luận

Bài viết liên quan

[Astaxanthin](#)

[MSM \(Methylsulfonylmethane\)](#)

[thuoc nam chua bệnh ung thư](#)

[Bán vỏ nang con nhộng, bán viên nang rỗng gelatin, vỏ nang cứng](#)

[Fucoidan](#)

[Resveratrol](#)

[Nano Curcumin 5%](#)

[Spirulina](#)

[Soy isoflavones](#)

[Garcinia cambogia extract](#)

[Diosmin](#)

[Green Coffee Bean Extract](#)

[MSM \(Methylsulfonylmethane\)](#)

[nấm lim xanh chữa bệnh ung thư](#)

[Pueraria mirifica Extract](#)

[Sheep Placenta Powder – Nhau thai cừu](#)

[Fucoidan](#)

[Fucoidan](#)

[Resveratrol](#)

[Mill thistle Extract](#)

[Astaxanthin](#)

[MSM \(Methylsulfonylmethane\)](#)

[Pueraria mirifica Extract](#)

[Collagen type II](#)

[Astaxanthin](#)

[MSM \(Methylsulfonylmethane\)](#)

[Pregnenolone Acetate](#)

[Collagen type II](#)

[Astaxanthin](#)

[Citrus Aurantium Extract](#)

Trang 29 của 41

- [« Đầu tiên](#)
- [Lùi](#)
- [26](#)
- [27](#)
- [28](#)
- 29
- [30](#)
- [31](#)
- [32](#)
- [Tiếp](#)
- [Cuối cùng »](#)